

24. Vận tải hành khách và hàng hoá tháng 12 và năm 2018

	Ước tính tháng 12 năm 2018	Ước tính năm 2018	Tháng 12 năm 2018 so với tháng 11 năm 2018 (%)	Tháng 12 năm 2018 so với cùng kỳ năm trước (%)	Năm 2018 so với năm 2017 (%)
A. HÀNH KHÁCH					
I. Vận chuyển (Nghìn HK)	995.55	11,827.32	100.19	103.81	104.87
Đường bộ	995.55	11,827.32	100.19	103.81	104.87
Đường sắt					
Đường thủy					
Hàng không					
II. Luân chuyển (Triệu HK.km)	121.91	1,450.95	100.24	101.55	103.69
Đường bộ	121.91	1,450.95	100.24	101.55	103.69
Đường sắt					
Đường thủy					
Hàng không					
B. HÀNG HÓA					
I. Vận chuyển (Nghìn tấn)	263.30	3,010.65	100.20	103.88	107.08
Đường bộ	263.30	3,010.65	100.20	103.88	107.08
Đường sắt					
Đường thủy					
Hàng không					
II. Luân chuyển (Triệu tấn.km)	17.87	203.30	100.22	106.14	105.84
Đường bộ	17.87	203.30	100.22	106.14	105.84
Đường sắt					
Đường thủy					
Hàng không					